

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 tháng 02 năm 2020

V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Tuấn và ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn V - Sinh năm 1985**

Nơi thường trú: Khu 2 (khu 3 cũ), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Kim O - sinh năm 1985.**

Nơi thường trú: Khu 2 (khu 3 cũ), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở tại: Khu 3 xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh V có mặt, chị O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bùi Văn V trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

- Anh và chị Lê Thị Kim O tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 15/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm lối sống, không thực sự hòa hợp về tính cách, thường xuyên xảy ra va chạm xích mích, cuộc sống chung không còn được hòa thuận hạnh phúc. Do bất đồng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên năm 2017, chị O đã bỏ về sống cùng với

bố mẹ đẻ tại khu 3, xã L, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau nữa. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể quay về sống chung cùng nhau được nữa, tình cảm không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim O.

- Về con chung: Anh và chị Lê Thị Kim O có với nhau 02 con chung là Bùi Trí H; sinh ngày 13/11/2007 và Bùi Quang H; sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh, còn cháu H ở cùng chị O và bố mẹ đẻ chị O. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, còn chị O tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ và các vấn đề khác anh và chị O không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là chị Lê Thị Kim O: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị O đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Lê Thị Kim O nhưng chị O đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt chị O theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn V và chị Lê Thị Kim O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo anh V trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng cũng đã có thời gian chung sống hòa thuận. Tuy nhiên đến năm 2015, vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, không hòa hợp nhau về tính cách làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn được hạnh phúc, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và phải sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Việc vợ chồng anh V, chị O sống ly thân cũng đã được chính quyền địa phương và đại diện gia đình chị O xác nhận.

Như vậy, trên thực tế vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của anh V là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Bùi Văn V và chị Lê Thị Kim O có 2 con chung là Bùi Trí H; sinh ngày 13/11/2007 và Bùi Quang H; sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay cháu H đang được anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Còn cháu H, mặc dù chị O cố tình vắng mặt nhưng theo báo cáo của chính quyền địa phương và ông Lê Trọng N (bố đẻ chị O) thì cháu H đang ở cùng với chị O và gia đình ông N tại khu 3 xã L, huyện T.

Xét yêu cầu nuôi con của anh V, thì hiện nay anh V và chị O mỗi người đều đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung. Do vậy, để cuộc sống của các con chung được tiếp tục ổn định và có được sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con chung nên giữ nguyên việc nuôi con chung như hiện nay, anh V sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Bùi Trí H, còn chị O sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Bùi Quang H.

Do mỗi bên đều được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung vì vậy trong vụ án này không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác. Mặc dù anh V trình bày không có nhưng do chị O vắng mặt nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh Bùi Văn V phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Bùi Văn V được ly hôn chị Lê Thị Kim O.

- Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Trí H; sinh ngày 13/11/2007 (hiện đang ở cùng với anh V tại khu 2, xã L, huyện T);

Giao cho chị Lê Thị Kim O được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Quang H; sinh ngày 01/10/2015 (hiện đang ở cùng với chị O và bố mẹ chị Oanh tại khu 3, xã L, huyện T);

Anh V và chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh V, chị O đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Bùi Văn V phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh V đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001877 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã L;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn